TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 847 /2019/HNGĐ-ST Ngày 19 - 11 - 2019 V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Nguyễn Bền**;

+ Ông : **Phạm Thành Trại**;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 589/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc: "tranh chấp ly hôn và nuôi con "

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2019/QĐST-HN ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***: Võ Văn T,** sinh năm 1982**;** Nơi cư trú: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1985**;** Nơi cư trú: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Võ Văn T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị T1 sống chung với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình vào năm 2003. Từ khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp tính tình, vợ anh không chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không thể tồn tại được nữa.

Chị T1 tự ý bỏ nhà đi ra ngoài sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh khoảng 03năm nay. Anh có yêu cầu Chị T1 trở về để gia đình được đoàn tụ, nhưng Chị T1 cương quyết không chịu trở về. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng anh không hòa thuận được. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Anh yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

- Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hữu N sinh năm 2004. Từ khi ly thân, con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất và tinh thần. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Hữu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Anh T cho rằng hiện nay anh có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên chưa yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị T1 không có tự khai trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn T: Cho anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Võ Hữu N và nguyện vọng của cháu, đề nghị giao con

chung cho anh Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập. Đến thời điểm trước khi nghị án, Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Võ Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T1 và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 sống chung có đăng ký kết hôn năm 2003 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai anh Võ Văn T về nguyên nhân mâu thuẩn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho chị Nguyễn Thị T1 được biết nhưng Chị T1 không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung: anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cải. Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa anh và Chị T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của Anh T và Chị T1 cũng thể hiện anh chị đã mâu thuẩn trầm trọng. Chị T1 cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng Chị T1 không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa Anh T và Chị T1 không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn T.

[4] ***Về nuôi con chung:*** Cháu Võ Hữu N chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Anh Võ Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, Anh T có đủ điều kiện về đạo đức, sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con; Từ khi Anh T và Chị T1 không còn sống chung, cháu Nhân do Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, cháu Nhân cũng có nguyện vọng sống chung với Anh T nên cần giao cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung cho anh Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] ***Về cấp dưỡng:*** Anh Võ Văn T trình bày hiện tại chị đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu Chị T1 cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] ***Về tài sản chung:*** Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[7] ***Về nợ chung***: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[8] ***Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[9] ***Về án phí:*** Anh Võ Văn T phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng:</u> Điều 28, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: C**hấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn T.**

- Về hôn nhân: Cho anh Võ Văn T ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Hữu N sinh ngày 18/12/2004 cho anh Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Tài sản chung: không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Võ Văn T đã nộp theo biên lai thu số 01196 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình;
- Các Đ/S
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn